

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/HS - ST

Ngày: 26 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Ông Bùi Văn Bình.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sinh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Lại Minh Khôi – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 67/2019/TLST - HS, ngày 14 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Hồng B, sinh ngày 02/8/2001; nơi sinh: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm MQ, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1966 và bà Trần Thị T, sinh năm 1966; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/9/2019 đến nay. (Có mặt).

- Bị hại: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định (đã chết ngày 19/7/2019).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Anh Phạm Văn S (chồng chị D), sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

2. Cháu Phạm Duy Q (con chị D), sinh năm 2008; địa chỉ: Xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

3. Cháu Phạm Thị Phương A (con chị D), sinh năm 2016; địa chỉ: Xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

Người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Duy Q và cháu Phạm Thị Phương A là: Anh Phạm Văn S, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. (Có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ chị D); địa chỉ: Xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1966 và bà Trần Thị T, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: Xóm MQ, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (Đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 45 phút ngày 19/7/2019, Phạm Hồng B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 18S1 – 8367 có dung tích xi lanh 100cm³ (B không có giấy phép lái xe theo quy định) đi trên đường Quốc lộ 21B theo hướng từ xã Hải Xuân đến thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu. Khi đến khu vực cầu Cồn thuộc tổ dân phố số 4, thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu, B bật đèn xi nhan xin chuyển hướng rẽ trái sang đường nhưng do không chú ý quan sát, không nhường đường cho phương tiện đi ngược chiều nên đã va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 20H1 – 153.30 do anh Phạm Văn S điều khiển đi ngược chiều, phía sau chở vợ là chị Phạm Thị D cùng hai con là cháu Phạm Duy Q, cháu Phạm Thị Phương A. Hậu quả chị D bị ngã xuống đường chấn thương, được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu và đã tử vong vào hồi 22 giờ cùng ngày. Anh S bị xây xước rách da ngón chỏ chân trái, cháu Q bị rạn xương đầu gối chân trái; hai xe mô tô hư hỏng nhẹ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 41/19/TT ngày 12/8/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Nam Định kết luận: Nguyên nhân tử vong của chị Phạm Thị D là chấn thương sọ não, vỡ xương hộp sọ vùng đỉnh chẩm trái.

Anh Phạm Văn S và cháu Phạm Duy Q bị thương nhẹ có đơn từ chối giám định tỷ lệ thương tích và xin tự khắc phục hậu quả.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 28/KL - HĐĐG ngày 10/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Hải Hậu kết luận: Giá trị thiệt hại của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18B1 - 8367 là 480.000 đồng; xe mô tô biển kiểm soát 20H1 – 153.30 là 160.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về nội dung kết luận giám định, kết luận định giá tài sản trên.

Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo cùng gia đình đã bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại tổng số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), đại diện gia đình bị hại đã nhận số tiền trên, tại phiên tòa không có yêu cầu bồi thường thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa.

Cáo trạng số 66/CT-VKS, ngày 13/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố bị cáo Phạm Hồng B về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Hồng B phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Hồng B từ 27 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 tháng đến 60 tháng. Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 18S1 – 8367 cho ông Phạm Văn T và bà Trần Thị T.

Tại phiên tòa: Bị cáo Phạm Hồng B khai nhận về hành vi đã thực hiện đúng như cáo trạng truy tố, không tranh luận gì và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện hợp pháp của bị hại trình bày sau khi tai nạn xảy ra bị cáo đã cùng tham gia đưa bị hại đi cấp cứu; bị cáo và gia đình đã đến thăm hỏi, chia buồn và lo mai táng cho bị hại. Gia đình bị hại đã nhận 100.000.000 đồng do gia đình bị cáo bồi thường, nay không yêu cầu bồi thường thêm. Do bị cáo tuổi đời còn trẻ nên đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Không có ý kiến tranh luận gì với Viện kiểm sát.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị được nhận lại chiếc xe mô tô bị cáo sử dụng gây ra tai nạn, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại chiếc xe và không yêu cầu hoàn trả số tiền đã bồi thường thay bị cáo. Không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác như biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện gây tai nạn và kết luận giám định pháp y số 41/19/TT ngày 12/8/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Nam Định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ các chứng cứ trên, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 45 phút ngày 19/7/2019, Phạm Hồng B không có giấy phép lái xe theo quy định, đã điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 18S1 – 8367 có dung

tích xi lanh 100cm³ tham gia giao thông trên đường Quốc lộ 21B theo hướng từ xã Hải Xuân đến thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu. Khi đến khu vực cầu Cồn thuộc tổ dân phố số 4, thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu, B bật đèn xi nhan xin chuyển hướng rẽ trái sang đường nhưng do không chú ý quan sát, không nhường đường cho phương tiện đi ngược chiều nên đã va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 20H1 - 153.30 do anh Phạm Văn S điều khiển đi ngược chiều phía sau chở vợ là chị Phạm Thị D cùng hai con là cháu Phạm Duy Q và cháu Phạm Thị Phương A. Hậu quả chị D bị ngã xuống đường bị thương được đưa đi cấp cứu nhưng tử vong hồi 22 giờ cùng ngày; anh S và cháu Q bị thương tích nhẹ nhưng từ chối giám định thương tích. Hành vi của bị cáo đã vi phạm nghiêm trọng quy tắc về an toàn giao thông đường bộ quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ năm 2008. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 260. Tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết một người;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định”.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn trong lĩnh vực giao thông đường bộ và xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác. Bị cáo mặc dù chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe mô tô theo quy định nhưng vẫn sử dụng xe mô tô có dung tích xi lanh 100cm³ để tham gia giao thông, không tuân thủ nguyên tắc an toàn giao thông, mặc dù bị cáo không mong muốn hậu quả xảy ra nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác gây nên nỗi đau thương cho gia đình bị hại nên bị cáo phải bị xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự để răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; đã tích cực cùng gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại; được người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị không xử lý hình sự nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên được xem xét áp dụng

các nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhưng xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng; có ý thức sửa chữa lỗi lầm nên không cần thiết phải cách ly khỏi cộng đồng xã hội mà cho bị cáo được tự cải tạo tại nơi cư trú dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cùng với gia đình bị cáo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng gia đình đã thỏa thuận bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chiếc xe mô tô BKS 18B1 – 8367 do bị cáo sử dụng gây ra tai nạn bị thiệt hại theo kết luận định giá tài sản là 480.000 đồng. Ông Tòa, bà Thơm là chủ sở hữu chiếc xe trên không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18S1 – 8367, đăng ký xe đứng tên ông Nguyễn Văn V là tài sản hợp pháp của ông Phạm Văn T, bà Trần Thị T là bố mẹ đẻ bị cáo, ông T và bà T không biết bị cáo sử dụng xe tham gia giao thông gây ra tai nạn nên cần trả lại chiếc xe cho ông T, bà T là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 20H1 – 153.30 do anh Phạm Văn S điều khiển tham gia giao thông khi xảy ra tai nạn, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nguồn gốc xác định là vật chứng trong một vụ án Trộm cắp tài sản tại thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên nên đã tách ra để điều tra, xử lý sau nên không xem xét xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

1.1. Tuyên bố bị cáo Phạm Hồng B phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1.2. Xử phạt Phạm Hồng B 27 (hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (năm mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 26/11/2019).

Giao bị cáo Phạm Hồng B cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì có thể bị buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

1.3. Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đối với bị cáo Phạm Hồng B theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 72 ngày 18/9/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả cho ông Phạm Văn Tòa và bà Trần Thị Thơm 01 xe mô tô nhãn hiệu PLUS, biển kiểm soát 18S1 – 8367.

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/11/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Hải Hậu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Phạm Hồng B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Sở Tư pháp tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- Công an huyện Hải Hậu: 02 bản;
- UBND xã H: 01 bản;
- Bị cáo: 01 bản;
- Người tham gia tố tụng khác: 0 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên